

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/KDTM-PT

Ngày: 26/01/2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán : **Ông Nguyễn Thái Sơn**

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2023 và ngày 26/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố
Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số
204/TLPT-KDTM ngày 12/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày
29/6/2023 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử số 769/2023/QĐXX-PT ngày 21/11/2023, Quyết
định hoãn phiên tòa số 820/2023/QĐ-HPT ngày 08/12/2023 và Thông báo mở lại
phiên tòa số 17/2024/TP-MPT ngày 09/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số 12/294 Văn Cao, phường ĐL, quận H1, thành phố Hải Phòng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh T1 – Giám đốc. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần D Việt Nam

Địa chỉ: Số 02 Đại Cồ Việt, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T2, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Quang T3, chức vụ: Nhân viên công ty (Theo Giấy ủy quyền số 950/2023.UQ.DTA ngày 12/7/2023). (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH sơn K – A.

Địa chỉ trụ sở chính: Phố Nối A, xã T4, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: TATSUKI KOHHEI, chức danh: Tổng giám đốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 65-12 Nishiiba-cho, Naka-ku, Hamamatsu-city, Shizuoka-prefecture, Nhật Bản.

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 1904 Somestset West Piont Hà Nội số 3 đường T5, phường Q, quận T5, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Sơn M, chức vụ: Phó phòng pháp chế (theo Giấy ủy quyền số 68/2023/UQ-KSALP ngày 02/6/2023). (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, bản tự khai ngày 13/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T (viết tắt: Công ty T) cùng Công ty cổ phần D Việt Nam (viết tắt: Công ty D) ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số D.HPG.04/2011 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số: D.HPG.02/2012 nội dung được thể hiện rõ trong Điều 8 đã được hai bên thỏa thuận và ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty D đã vi phạm Điều 3 Hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể đã giao hàng kém chất lượng cho bên Công ty T.

Ngày 12/11/2011, Công ty T bán hàng ra thị trường thì phát hiện một số thùng sơn đã có hiện tượng đóng cục không đảm bảo chất lượng, Công ty T đã báo cho cán bộ thị trường của Công ty D song không được công ty giải quyết. Ngày 01/6/2012 Công ty T đã quyết định đóng cửa Đại lý T và kiểm kê toàn bộ số hàng còn tồn lại để trả lại cho Công ty D. Ngày 04/6/2012 Công ty T có công văn gửi cho Công ty D yêu cầu Công ty cử người đại diện xuống đại lý T để giải quyết những vướng mắc tồn tại giữa hai bên song Công ty D vẫn không thực hiện. Ngày 23/4/2014 Công ty T tiếp tục có công văn gửi Công ty D yêu cầu giải quyết số hàng kém chất lượng còn tồn tại song Công ty D cũng không có kế hoạch giải quyết tồn tại mà chỉ trả lời bằng điện thoại với nội dung chung chung. Ngày 16/6/2014, Công ty D có công văn gửi Công ty T với nội dung yêu cầu Công ty T trả lại Công ty D máy pha màu Công ty T mượn mà không đặt vấn đề giải quyết những tồn tại của hàng hóa. Công ty T đã trả lại máy pha màu cho Công ty D.

Ngày 18/8/2016, Công ty TNHH sơn K – A (viết tắt là Công ty Sơn K) đã thống nhất lấy 05 thùng sơn bất kỳ mang về để kiểm tra chất lượng, sau đó Công ty Sơn K đã quyết định chuyển toàn bộ số hàng còn tồn tại kho của Công ty T về nhà máy của Công ty Sơn K xử lý kỹ thuật. Ngày 22/5/2017, Công ty Sơn K đã

nhận lại số hàng sơn của Công ty T chuyển đến để tiến hành xử lý kỹ thuật theo tinh thần hai bên thỏa thuận.

Ngày 14/6/2017, Công ty Sơn K đã xử lý kỹ thuật và chuyển về Đại lý T. Đại lý T đã khai trương và mở bán hàng lại song khi bán hàng ra thị trường thì mới phát hiện Công ty Sơn K hoàn toàn không xử lý kỹ thuật sơn mà chỉ thay tem và in lại thời hạn sử dụng, đóng sang hộp mới. Công ty T đã trao đổi với cán bộ thị trường của Công ty Sơn K và đã tiến hành mở một số thùng sơn ra kiểm tra thực tế thấy sơn không được xử lý kỹ thuật như hai bên thỏa thuận.

Ngày 10/01/2019, Đại diện T và Công ty D đã lập biên bản thống nhất về việc giám định lại toàn bộ số lượng sơn nhưng cho đến nay D không có thiện chí về việc giải quyết những tồn tại về chất lượng sơn các loại.

Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết với các nội dung như sau:

- Công ty T trả lại cho Công ty D số hàng kém chất lượng trị giá 313.768.000 đồng và bồi thường số tiền hàng do kém chất lượng là 313.768.000 đồng.

- Công ty D trả lại Công ty T số tiền vận chuyển và bốc xếp hàng đi xử lý kỹ thuật là 4 xe x 16.000.000 đồng = 64.000.000 đồng.

- Công ty D trả cho Công ty T số tiền thuê kho bảo quản số sơn từ ngày 01/5/2012 đến ngày 01/7/2021 là 109 x 600.000 đồng = 65.400.000 đồng.

- Công ty D trả cho Công ty T số tiền thuê nhân công bảo vệ trông số sơn 24h/24h từ ngày 01/7/2012 đến ngày 01/7/2021: 109 tháng x 3.000.000 đồng/tháng = 327.000.000 đồng.

- Công ty D trả cho công ty T số tiền lãi do bị đọng vốn vào tiền mua sơn là: 313.768.000 đồng x 109 tháng x 0,015%/tháng = 513.010.680 đồng theo lãi suất chậm trả của Ngân hàng Nhà nước.

- Công ty D trả cho Công ty T số tiền lãi suất do Công ty T đã cho trả cho tiền thuê kho và trả nhân công trông giữ số sơn là $(109 + 1) / 2 \times 3.600.000 \times 0,015\% / \text{tháng} \times 109 \text{ tháng} = 323.730.000$ đồng theo lãi suất chậm trả của Ngân hàng nhà nước.

- Công ty D trả cho Công ty T số tiền thuê luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty: 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền của 7 yêu cầu trên là 1.578.908.680 đồng.

Tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 31/3/2023, Công ty T yêu cầu Công ty D trả lại số tiền mua bán hàng hóa là 313.000.000 đồng và tiền thuê kho bãi, người trông các thùng sơn với số tiền 1.487.000.000 đồng.

Ngoài ra công ty T không trình bày hay có yêu cầu nào khác.

2. Tại bản trình bày ý kiến ghi ngày 31/7/2021, bản trình bày ý kiến đề ngày 25/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Ngày 18/5/2011, Công ty T và Công ty D đã ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số: D.HPG.04/2011 và các phụ lục Hợp đồng mua bán để mua bán các mặt hàng sơn bột trét nhãn hiệu D, chất màu và hợp chất các loại. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 18/5/2011 đến hết ngày 31/12/2011.

Ngày 01/01/2012, Công ty D và Công ty T tiếp tục ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số D.HPG.02/2012 để mua bán các mặt hàng sơn, bột trét nhãn hiệu D chất màu và hợp chất các loại. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2012. Khi thực hiện hợp đồng, Công ty D cung cấp cho Công ty T bản công bố chỉ tiêu chất lượng sản phẩm.

Thực hiện hợp đồng số: D.HPG.04/2011, Công ty D đã giao hàng cho Công ty T theo các phiếu xuất kho kiêm biên bản giao nhận hàng hóa gồm một số loại sơn như sơn ngoại thất, sơn nội thất siêu sạch, sơn nội thất láng mịn, bột trét ngoại thất kèm theo các Phiếu kết quả thử nghiệm chất lượng do Viện Vật liệu – Bộ xây dựng phân tích và đưa ra kết quả thử nghiệm đối với sản phẩm sơn nội thất, ngoại thất, sơn lót nhãn hiệu D do Công ty Cổ phần A sản xuất dựa trên các tiêu chuẩn của TCVN 6934.2001 trước khi đưa ra thị trường. Căn cứ danh mục tiêu chuẩn quốc gia –TCVN 6934-2001 (được công bố kèm theo Quyết định số 2226/QĐ/BKHCN ngày 08.10.2008 do Bộ khoa học công nghệ ban hành về sơn tường, sơn nhũ tương – yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử và kết quả thử nghiệm do Viện Vật Liệu – Bộ xây dựng). Công ty D nhận thấy các sản phẩm sơn nhãn hiệu D mà Công ty D bán cho Công ty T năm 2011 đã đảm bảo chất lượng phù hợp với TVVN 6934.2002 về sơn tường, sơn nhũ tương do Bộ khoa học công nghệ ban hành.

Công ty D có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

1. Về yêu cầu buộc Công ty D phải bồi thường số tiền hàng do kém chất lượng là 313.768.000 đồng:

Sản phẩm do Công ty D sản xuất không phải là hàng kém chất lượng như Công ty T đã nêu, cụ thể: Sản phẩm Công ty D đã bán cho Công ty T là sản phẩm được sản xuất hàng loạt chứ không phải là sản phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng riêng của Công ty T. Do đó, theo lý thuyết thông thường nếu số hàng đã sản xuất rồi được Công ty D bán ra ngoài thị trường và đến tay người tiêu thụ nếu là hàng kém chất lượng thì chúng tôi phải nhận được các phản hồi, khiếu nại về hàng hóa kém chất lượng đối với các sản phẩm được sản xuất cùng thời điểm đó với Công ty T. Nhưng thực tế trong suốt thời gian phát triển và tiêu thụ các sản phẩm sơn chúng tôi không nhận được bất kỳ khiếu nại nào về chất lượng hàng hóa của các

khách hàng hoặc đại lý khác, ngoài trừ phản hồi về hàng hóa kém chất lượng của Công ty T.

Thời gian được Công ty T phát hiện ra sản phẩm kém chất lượng là ngày 12/11/2011 (có một thùng sơn DEE05 – 0055/17 lít) khi công nhân thi công mở thấy hiện tượng bên trên là lớp sơn nước trong, bên dưới là lớp bột sệt cho đến thời điểm hiện tại. Công ty T không cung cấp cho Công ty D bất cứ bằng chứng nào về phản hồi của khách hàng hay kết quả kiểm nghiệm, cũng không thực hiện bảo vệ quyền lợi của mình bằng hình thức khiếu nại, khiếu kiện về chất lượng hàng hóa để chứng minh sản phẩm của Công ty D đã cung cấp là kém chất lượng theo quy định tại Điều 318 Luật thương mại. Như vậy, nhận định của Công ty T về chất lượng sản phẩm do Công ty D cung cấp kém chất lượng là hoàn toàn không đúng, không có căn cứ để chứng minh cho nhận định này.

2. Về yêu cầu buộc D bồi thường tiền hàng là không có căn cứ, cụ thể:

Để Công ty D bồi thường cho Công ty T thì cần chứng minh lỗi nhưng trong thời gian kể từ ngày 04/6/2012 Công ty T gửi cho Công ty D văn bản đầu tiên nói về việc hàng hóa kém chất lượng cho đến hiện nay, Công ty T không hề cung cấp được bất cứ bằng chứng nào chứng minh hàng hóa kém chất lượng. Như vậy, không đủ căn cứ để hình thành lỗi nên Công ty D không có trách nhiệm bồi thường tiền hàng cho Công ty T.

3. Ngày 03/7/2014, Công ty T có văn bản gửi cho Công ty D trong đó có nội dung: Đề nghị Công ty D cho phép Công ty T trả lại số hàng còn tồn đọng chưa bán hết (bao gồm cả lượng base) hoặc Công ty D tạo điều kiện bán số hàng còn lại của Công ty T cho các đại lý khác của Công ty D (*Công ty T sẽ thanh toán các chi phí phát sinh*), nếu đúng là hàng hóa kém chất lượng mà Công ty D chấp nhận bán hộ cho Công ty T số hàng hóa đó cho một trong các đại lý của Công ty D thì chẳng phải Công ty D tự mình tiếp tay cho hành động mua bán hàng kém chất lượng, bên cạnh đó nếu là hàng hóa kém chất lượng thì Công ty T sẽ không đưa ra đề nghị Công ty D bán lại số hàng hóa đó và chịu thanh toán các chi phí phát sinh. Chính vì vậy hàng hóa kém chất lượng chỉ là nhận định chủ quan của Công ty T, không có căn cứ thực tế. Do vậy, chúng tôi không có trách nhiệm bồi thường số tiền 313.768.000 đồng.

4. Về yêu cầu buộc Công ty D phải thanh toán tiền chuyển, bốc xếp hàng hóa đi xử lý kỹ thuật là 16.000.000 đồng:

Công ty D không chấp nhận bồi thường số tiền này: yêu cầu xử lý kỹ thuật đối với sản phẩm sơn là yêu cầu chủ quan xuất phát từ việc Công ty T chứ không phải xuất phát từ việc Công ty D xác định hàng hóa kém chất lượng buộc chúng tôi phải thu hồi lại để xử lý kỹ thuật. Vì vậy việc phát sinh tiền chuyển bốc xếp hàng hóa, Công ty T phải tự chịu trách nhiệm chi trả.

5. Về yêu cầu buộc Công ty D phải thanh toán tiền thuê kho và nhân công trong 24/24 tính từ ngày 01.6.2012 đến ngày 01.12.2019 đối với hàng kém chất lượng còn tồn tại là 324.000.000 đồng:

Công ty D không chấp nhận bồi thường số tiền này, kể cả khoản tiền thuê kho và thuê nhân công là 423.000.000 đồng, vì Công ty D không có lỗi trong nhận định chủ quan hàng kém chất lượng của Công ty T.

6. Công ty D nhận thấy rằng thời hiệu khởi kiện đã hết vì căn cứ Điều 319 Luật thương mại năm 2005 “thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với tranh chấp thương mại là 02 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm”.

Thời điểm Công ty T nhận định hàng hóa do Công ty D cung cấp kém chất lượng là ngày 12/11/2011 nhưng lại không có bất cứ hành động nào chứng minh về nhận định của mình. Công ty T cũng không có khiếu nại, khiếu kiện nào theo quy định của pháp luật về việc đó. Vì vậy, quan điểm của Công ty D là thời hiệu khởi kiện đối với vụ án đã hết.

3. Tại bản trình bày ý kiến ghi ngày 07/6/2023, Đại diện pháp luật của Công ty TNHH Sơn K- A là Ông Tatsuki Kohhei và bản tự khai ngày 09/6/2023 –Người đại diện theo ủy quyền là bà Đinh Thị Sơn M trình bày:

Việc mua bán, tranh chấp giữa Công ty T và Công ty Detla đã diễn ra từ hơn 10 năm trước. Công ty Sơn K- A cũng có những biến động trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên với những thông tin tài liệu hiện có và nhân sự có thể nắm bắt sự việc. Quan điểm của Công ty Sơn K- A như sau: Các sản phẩm sơn thương hiệu D mà Công ty D bán cho Công ty T năm 2011 không phải là các sản phẩm do Công ty Sơn K- A sản xuất. Trong giai đoạn 2011 – 2012, Công ty Sơn K không có quan hệ mua bán bất kỳ loại sơn nào với Công ty T và Công ty D. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Sơn K không có và không nhận được bất kỳ văn bản nào của Công ty D đề nghị xử lý lỗi kỹ thuật sơn.

Công ty Sơn K và Công ty D không có hoạt động liên kết áp dụng dây chuyền công nghệ trong việc sản xuất sơn. Ngoại trừ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty Sơn K không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để cung cấp theo Thông báo về việc giao nộp chứng cứ của Tòa án. Công ty Sơn K đề nghị Tòa án không đưa Công ty Sơn K tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Trong trường hợp Tòa án vẫn đưa Công ty Sơn K tham gia vụ án với tư cách là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Công ty Sơn K đề nghị được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và xin bảo lưu các ý kiến của mình trước Hội đồng xét xử.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yêu cầu của Công ty T đề nghị Công ty Detla phải thanh toán các khoản tiền sau:

1. Trả lại số hàng kém chất lượng giá trị tổng cộng là: **313.768.000 đồng** (có bảng kê chi tiết kèm theo).

2. Số tiền vận chuyển và bốc xếp hàng đi xử lý kỹ thuật (bốc lên, hạ xuống một chiều) 4 xe tổng cộng là: **16.000.000 đồng** (có bản chi tiết thanh toán kèm theo).

3. Số tiền thuê kho và nhân công bảo vệ trông số sơn (kém chất lượng) 24h/ngày, từ ngày 01/06/2012 đến 01/6/2023 là 132 tháng x 3.600.000 đồng = **475.200.000 đồng**.

4. Tiền lãi suất do bị tồn đọng hàng 01/6/2012 đến 01/6/2023 là 313.768.000 đồng x 0,015 x 132 tháng = **621.260.640 đồng**.

5. Tiền lãi do Công ty T phải trả cho thuê kho bảo quản sơn 01/6/2012 đến 01/6/2023 là 132 tháng + 1 tháng chia 2 x 3.600.000 đồng/tháng x 0,015/tháng x 132 tháng = **474.012.000 đồng**.

Tổng cộng 1.900.240.640 đồng.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, xác định vụ án không còn thời hiệu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân quận H quyết định:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

1. Buộc Công ty cổ phần D Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền thuê kho và nhân công bảo vệ trông số sơn tại kho T là: 196.680.000 đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần D Việt Nam phải chịu trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH T về việc thanh toán tiền thuê kho và nhân công bảo vệ và chi phí xử lý số lượng sơn nhãn hiệu Detlta hiện còn tồn tại kho T theo tỷ lệ 50/50 tính từ ngày 30/6/2023 cho đến khi xử lý xong theo luật bảo vệ môi trường.

3. Kể từ ngày người được thi hành án, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (Công ty cổ phần D Việt Nam) cũng phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền phải thanh toán chưa thanh toán kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

5. Sau phiên tòa xét xử sơ thẩm

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân quận H, cụ thể như sau:

- Nguyên đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng 04/2011 ngày 18/5/2011 giữa Công ty D và Công ty T là Hợp đồng mua bán hàng hóa là không đúng. Căn cứ vào các điều khoản của Hợp đồng thì Công ty T thực hiện theo ủy quyền, bán hàng thuê cho Công ty D. Do đó, Công ty D phải nhận lại số hàng do vi phạm về chất lượng và phải bồi thường thiệt hại.

- Bị đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm về phần quyết định buộc Công ty cổ phần D Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền thuê kho và nhân công bảo vệ trồng số sơn tại kho T và chi phí xử lý số lượng sơn nhãn hiệu Detlta hiện còn tồn tại kho T theo tỷ lệ 50/50, với lý do: Hàng hóa mà Công ty D bán cho Công ty T năm 2011 là những hàng hóa đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn do các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Công ty D không vi phạm Hợp đồng nên không có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế xảy ra, vì thế không có căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

6. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong quá trình xét hỏi và tranh tụng, Công ty T và Công ty D đã hòa giải, tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận cho chúng tôi.

Nội dung thỏa thuận như sau:

- Công ty D đồng ý thanh toán một phần số tiền yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và chi phí xử lý chất thải theo yêu cầu khởi kiện của Công ty T liên quan đến Hợp đồng mua bán hàng hóa số D.HPG.04/2011 ngày 18.5.2011 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số D.HPG.02/2012 ngày 01/10/2012 là **106.000.000 đồng**.

- Công ty TNHH T có trách nhiệm trực tiếp liên hệ, ký hợp đồng với Công ty có chức năng xử lý chất thải môi trường để xử lý tiêu hủy toàn bộ số sơn nhãn hiệu Detlta đã không còn giá trị sử dụng đang lưu tại kho đảm bảo theo quy định của Luật bảo vệ Môi trường.

- Về án phí: Mỗi bên chịu 50% nghĩa vụ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự thống nhất xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, đã được xác định bằng chữ ký và con dấu của những người có thẩm quyền. Hợp đồng đã được các bên tự nguyện thực hiện và thanh toán hợp đồng nên được xác định là hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty D và Công ty T đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

Ngày 04/7/2023, Công ty T gửi đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân quận H. Đồng thời, ngày 12/7/2023, Công ty D cũng làm đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm nêu trên.

Các Đơn kháng cáo do người đại diện theo pháp luật của Công ty ký. Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có

mặt theo Giấy triệu tập, Công ty Sơn K đã có ý kiến trình bày xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong quá trình xét hỏi và tranh tụng, Công ty D và Công ty T đã hòa giải, tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và lập biên bản đề nghị Hội đồng xét xử công nhận về sự thỏa thuận cho các đương sự.

Nội dung thỏa thuận như sau:

- Công ty D đồng ý thanh toán một phần số tiền yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và chi phí xử lý chất thải theo yêu cầu khởi kiện của Công ty T liên quan đến Hợp đồng mua bán hàng hóa số D.HPG.04/2011 ngày 18/5/2011 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số D.HPG.02/2012 ngày 01/10/2012 là **106.000.000 đồng**.

- Công ty TNHH T có trách nhiệm trực tiếp liên hệ, ký hợp đồng với Công ty có chức năng xử lý chất thải môi trường để xử lý tiêu hủy toàn bộ số sơn nhãn hiệu Detlta đã không còn giá trị sử dụng đang lưu tại kho đảm bảo theo quy định của Luật bảo vệ Môi trường.

- Về án phí: Mỗi bên chịu 50% nghĩa vụ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thống nhất thỏa thuận, Công ty D đã thanh toán chuyển khoản cho Công ty TNHH T toàn bộ số tiền **106.000.000 đồng**. Công ty T xác nhận đã nhận đủ số tiền trên và cam kết không khiếu nại liên quan đến Hợp đồng mua bán sơn đối với Công ty D.

Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên của Công ty D và Công ty T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Các bên đều đã thống nhất được việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên. Do đó, căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Về án phí: Do tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 154, Điều 291, Điều 294, khoản 2 Điều 305, Điều 405, khoản 1 Điều 408, Điều 427, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, Điều 300, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 14, Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 44, Điều 297 Luật thương mại 2017;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân quận H. Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của Công ty TNHH T và Công ty cổ phần D Việt Nam về việc giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần D Việt Nam thanh toán một phần số tiền yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và chi phí xử lý chất thải theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T liên quan đến Hợp đồng mua bán hàng hóa số D.HPG.04/2011 ngày 18/5/2011 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số D.HPG.02/2012 ngày 01/10/2012 là **106.000.000 đồng** (*Một trăm linh sáu triệu đồng*).

Xác nhận Công ty cổ phần D Việt Nam đã thanh toán đủ số tiền 106.000.000 đồng cho Công ty TNHH T.

- Công ty TNHH T có trách nhiệm trực tiếp liên hệ, ký hợp đồng với Công ty có chức năng xử lý chất thải môi trường để xử lý tiêu hủy toàn bộ số sơn nhãn hiệu Detlta đã không còn giá trị sử dụng đang lưu tại kho đảm bảo theo quy định của Luật bảo vệ Môi trường.

2. Về án phí.

*** Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Công ty TNHH T phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **2.650.000 đồng** (*Hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) đồng, được trừ vào số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011576 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi Hành án quận H, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả Công ty TNHH T số tiền là: **12.350.000 đồng** (*Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*)

- Công ty cổ phần D Việt Nam phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **2.650.000 đồng** (*Hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

*** Án phí dân sự phúc thẩm:**

- Công ty TNHH T phải nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) (đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0013756 ngày 27/7/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội).

- Hoàn trả Công ty cổ phần D Việt Nam tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) (đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0013751 ngày 25/7/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. H;
- Chi cục THADS Q. H;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

Bùi Đức Bằng

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. H;
- Chi cục THADS Q. H;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

Bùi Đức Bằng